BỆNH VIỆN QUẬN TÂN PHÚ
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

PHỤ LỤC I

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ KIỂM TRA SÁT HẠCH
KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC BỆNH VIỆN QUẬN TÂN PHÚ - ĐỢT 2 NĂM 2019

(Kèm theo Thông báo số 289/TB-HĐXTVC.BVQ ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng xét tuyển viên chức Bệnh viện quận Tân Phú)

STT	Mã đăng ký dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí dự tuyển	Khoa, Phòng tiếp nhận	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh dự tuyển	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm kiểm tra sát hạch	Kiểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*10*	*12*	*13*	*16*	*17*	*18*	*20*
Vị trí dự tuyển: Bác sĩ																	
1	BS01	Cao Thị Thanh Trúc	14/3/1986	Nữ	Bác sĩ/ Chuyên khoa cấp 1	Nội khoa	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 3 (Trình độ B1)	Bác sĩ	Khoa Khám bệnh	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		77		77	
2	BS04	Nguyễn Thị Ngọc Vân	04/10/1986	Nữ	Bác sĩ/ Chuyên khoa cấp 1	Nội tiết	Trình độ B	Tiếng Anh - Trình độ C	Bác sĩ	Khoa Khám bệnh	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		87		87	
3	BS10	Nguyễn Thị Tường Vy	03/10/1981	Nữ	Bác sĩ/ Chuyên khoa cấp 1	Nội khoa	Trình độ B	Tiếng Anh - Trình độ B	Bác sĩ	Khoa Khám bệnh	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		94		94	
4	BS02	Nguyễn Tuấn Vũ	14/9/1994	Nam	Bác sĩ	Y khoa	Ứng dụng CNTT-CB	IELTS	Bác sĩ	Khoa Mắt	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		84.5		84.5	

STT	Mã đăng ký dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí dự tuyển	Khoa, Phòng tiếp nhận	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh dự tuyển	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm kiểm tra sát hạch	Kiểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*10*	*12*	*13*	*16*	*17*	*18*	*20*
5	BS03	Hoàng Minh Phú	03/3/1993	Nam	Bác sĩ	Y đa khoa	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 4 (Trình độ B2)	Bác sĩ	Khoa Tai Mũi Họng	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		67		67	
6	BS05	Hoàng Thị Minh Thùy	18/10/1995	Nữ	Bác sĩ	Y khoa	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 3 (Trình độ B1)	Bác sĩ	Khoa Nội - Nhiễm	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		84		84	
7	BS20	Trần Thị Tường Vi	20/5/1994	Nữ	Bác sĩ	Y khoa	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 3 (Trình độ B1)	Bác sĩ	Khoa Nội - Nhiễm	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		59		59	
8	BS23	Hoa Minh Tú	10/6/1994	Nam	Bác sĩ	Y khoa	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 4 (Trình độ B2)	Bác sĩ	Khoa Nội - Nhiễm	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		82		82	
9	BS24	Nguyễn Phạm Ánh Tiên	16/7/1993	Nữ	Bác sĩ	Y khoa	Ứng dụng CNTT-CB	TOEIC 490	Bác sĩ	Khoa Nội - Nhiễm	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		66		66	
10	BS07	Ngô Thịnh Phát	10/11/1994	Nam	Bác sĩ	Y khoa	Trình độ B	Tiếng Anh - Trình độ C	Bác sĩ	Khoa Nhi	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		82		82	

STT	Mã đăng ký dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí dự tuyển	Khoa, Phòng tiếp nhận	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh dự tuyển	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm kiểm tra sát hạch	Kiểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*10*	*12*	*13*	*16*	*17*	*18*	*20*
11	BS21	Lữ Thuận Khương	12/11/1993	Nam	Bác sĩ	Y khoa	Ứng dụng CNTT-CB	DELF B2	Bác sĩ	Khoa Nhi	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		57		57	
12	BS09	Ngô Đình Nghĩa	03/6/1995	Nam	Bác sĩ	Y khoa	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 3 (Trình độ B1)	Bác sĩ	Khoa Nhi	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		69		69	
13	BS08	Phạm Nguyễn Thảo Ngân	09/01/1993	Nữ	Bác sĩ	Y đa khoa	Ứng dụng CNTT-CB	IELTS	Bác sĩ	Khoa Phụ sản	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		73		73	
14	BS11	Phạm Chí Tâm	26/02/1991	Nam	Bác sĩ	Y đa khoa	Trình độ B	Tiếng Anh - Trình độ B	Bác sĩ	Khoa Ngoại tổng hợp	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		73		73	
15	BS19	Huỳnh Bá Hoàng	18/12/1991	Nam	Bác sĩ	Y đa khoa	Ứng dụng CNTT-CB	TOEIC	Bác sĩ	Khoa Ngoại tổng hợp	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		81.5		81.5	
16	BS22	Tống Thanh Liêm	02/3/1992	Nam	Bác sĩ	Y đa khoa	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 4 (Trình độ B2)	Bác sĩ	Khoa Ngoại tổng hợp	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		73		73	

STT	Mã đăng ký dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí dự tuyển	Khoa, Phòng tiếp nhận	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh dự tuyển	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm kiểm tra sát hạch	Kiểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*10*	*12*	*13*	*16*	*17*	*18*	*20*
17	BS12	Nguyễn Trường An	15/12/1994	Nam	Bác sĩ	Y học cổ truyền	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ B	Bác sĩ	Khoa Y học cổ truyền-Vật lý trị liệu	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		82		82	
18	BS14	Trần Hạnh Phúc	23/12/1989	Nữ	Bác sĩ	Y học cổ truyền	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ B	Bác sĩ	Khoa Y học cổ truyền-Vật lý trị liệu	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		83		83	
19	BS13	Kiều Tiến Lực	16/01/1991	Nam	Bác sĩ	Y khoa	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 4 (Trình độ B2)	Bác sĩ	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Dân tộc Chăm	0	5	5	Không đến tham gia dự tuyển
20	BS15	Nguyễn Xuân Long	01/10/1994	Nam	Bác sĩ	Y đa khoa	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Bác sĩ	Khoa Hồi sức cấp cứu	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		82.75		82.75	
21	BS16	Trần Thu Thủy	23/6/1993	Nữ	Bác sĩ	Đa khoa	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 4 (Trình độ B2)	Bác sĩ	Khoa Giải phẫu bệnh (Phẫu thuật-Gây mê hồi sức)	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03		0		0	Không đến tham gia dự tuyển
22	BS17	Dương Thị Thùy Trang	06/8/1979	Nữ	Bác sĩ	Y khoa	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Bác sĩ	Khoa Giải phẫu bệnh (Phẫu thuật-Gây mê hồi sức)	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Dân tộc Khmer	68.5	5	73.5	

STT	Mã đăng ký dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí dự tuyển	Khoa, Phòng tiếp nhận	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh dự tuyển	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm kiểm tra sát hạch	Kiểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*10*	*12*	*13*	*16*	*17*	*18*	*20*
23	BS18	Kiên Sa Rây Mon Tha	10/3/1992	Nam	Bác sĩ	Răng Hàm Mặt	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Bác sĩ	Khoa Răng Hàm Mặt	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	Dân tộc Khmer	71	5	76	
Vị trí dự tuyển: Điều dưỡng																	
24	ĐD22	Lê Thị Bé Hai	28/3/1989	Nữ	Cử nhân	Điều dưỡng đa khoa	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Phòng Kế hoạch tổng hợp và Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12		100		100	
25	ĐD01	Lê Thị Ngọc Huyền	11/01/1988	Nữ	Cử nhân	Điều dưỡng	Văn phòng	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Giải phẫu bệnh (Phẫu thuật-Gây mê hồi sức)	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12		98.5		98.5	
26	ĐD30	Nguyễn Minh Trí	09/3/1997	Nam	Cao đẳng	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT-CB	Chứng chỉ Tiếng Anh theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	Điều dưỡng	Khoa Giải phẫu bệnh (Phẫu thuật-Gây mê hồi sức)	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		0		0	Không đến tham gia dự tuyển
27	ĐD12	Trần Thùy Linh	13/6/1988	Nữ	Trung cấp	Điều dưỡng đa khoa	Trình độ B	Tiếng Anh - Trình độ A	Điều dưỡng	Khoa Giải phẫu bệnh (Phẫu thuật-Gây mê hồi sức)	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		95.5		95.5	

STT	Mã đăng ký dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí dự tuyển	Khoa, Phòng tiếp nhận	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh dự tuyển	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm kiểm tra sát hạch	Kiểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*10*	*12*	*13*	*16*	*17*	*18*	*20*
28	ĐD14	Lê Thị Trường	13/12/1986	Nữ	Trung cấp	Điều dưỡng	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Giải phẫu bệnh (Phẫu thuật-Gây mê hồi sức)	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		97		97	
29	ĐD02	Nguyễn Hương Thảo	26/5/1994	Nữ	Cử nhân	Điều dưỡng đa khoa	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 3 (Trình độ B1)	Điều dưỡng	Khoa Nhi	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12		75		75	
30	ĐD23	Trần Vũ Ngọc Phấn	22/9/1996	Nữ	Cử nhân	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ C	Điều dưỡng	Khoa Nhi	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12		88		88	
31	ĐD32	Chu Thị Hiền	09/10/1993	Nữ	Cử nhân	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 3 (Trình độ B1)	Điều dưỡng	Khoa Nhi	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12		92		92	
32	ĐD34	Nguyễn Thị Thu Thương	18/7/1986	Nữ	Cao đẳng	Điều dưỡng	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Nhi	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		82		82	
33	ĐD40	Nguyễn Võ Tú Ni	25/10/1995	Nữ	Cao đẳng	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Nhi	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		90		90	

STT	Mã đăng ký dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí dự tuyển	Khoa, Phòng tiếp nhận	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh dự tuyển	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm kiểm tra sát hạch	Kiểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*10*	*12*	*13*	*16*	*17*	*18*	*20*
34	ĐD11	Phan Thị Cẩm Tiên	23/10/1994	Nữ	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Nhi	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		93		93	
35	ĐD24	Vũ Thị Hà	28/9/1992	Nữ	Trung cấp	Điều dưỡng đa khoa	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Nhi	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		0		0	Không đến tham gia dự tuyển
36	ĐD03	Mai Thị Thúy Hằng	08/4/1988	Nữ	Cử nhân	Điều dưỡng	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Hồi sức Cấp cứu	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12		97.5		97.5	
37	ĐD36	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	22/01/1989	Nữ	Cử nhân	Điều dưỡng	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Hồi sức Cấp cứu	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Con thương binh	90	5	95	
38	ĐD07	Đoàn Hồng Nguyệt	21/6/1991	Nữ	Cao đẳng	Điều dưỡng đa khoa	Trình độ B	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Hồi sức Cấp cứu	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		90.5		90.5	
39	ĐD31	Lê Văn Cảnh	30/6/1984	Nam	Cao đẳng	Điều dưỡng	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ A	Điều dưỡng	Khoa Hồi sức Cấp cứu	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		87		87	

STT	Mã đăng ký dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí dự tuyển	Khoa, Phòng tiếp nhận	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh dự tuyển	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm kiểm tra sát hạch	Kiểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*10*	*12*	*13*	*16*	*17*	*18*	*20*
40	ĐD21	Nguyễn Thế Kỳ	23/8/1988	Nam	Trung cấp	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ A	Điều dưỡng	Khoa Hồi sức Cấp cứu	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		100		100	
41	ĐD27	Phạm Tuấn Anh	02/3/1983	Nam	Cử nhân	Điều dưỡng	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Nội - Nhiễm	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Con thương binh	86.5	5	91.5	
42	ĐD04	Bùi Thị Thúy Hằng	18/5/1992	Nữ	Cao đẳng	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Nội - Nhiễm	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		69.5		69.5	
43	ĐD05	Trần Thị Hồng Anh	25/9/1994	Nữ	Cao đẳng	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Nội - Nhiễm	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		100		100	
44	ĐD06	Lê Thị Thái Thiên Thanh	26/10/1992	Nữ	Cao đẳng	Điều dưỡng	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Nội - Nhiễm	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		100		100	
45	ĐD13	Nguyễn Thị Thanh Kiều	30/01/1995	Nữ	Cao đẳng	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Nội - Nhiễm	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		84.5		84.5	

STT	Mã đăng ký dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí dự tuyển	Khoa, Phòng tiếp nhận	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh dự tuyển	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm kiểm tra sát hạch	Kiểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*10*	*12*	*13*	*16*	*17*	*18*	*20*
46	ĐD16	Hoàng Thị Thanh Loan	04/7/1991	Nữ	Cao đẳng	Điều dưỡng	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Nội - Nhiễm	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		100		100	
47	ĐD19	Bùi Thị Lệ Thương	29/01/1992	Nữ	Cao đẳng	Điều dưỡng	Trình độ B	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Nội - Nhiễm	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		96		96	
48	ĐD20	Phạm Ngọc Mai	14/8/1992	Nữ	Cao đẳng	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Nội - Nhiễm	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		98		98	
49	ĐD25	Hoàng Thị Liên	14/4/1987	Nữ	Cao đẳng	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Nội - Nhiễm	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Con thương binh	97.5	5	102.5	
50	ĐD15	Phạm Thị Thương	02/04/1994	Nữ	Trung cấp	Y sĩ	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Nội - Nhiễm	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		89.5		89.5	
51	ĐD26	Chung Thị Ngọc Thi	07/01/1993	Nữ	Trung cấp	Điều dưỡng	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Nội - Nhiễm	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		97.5		97.5	

STT	Mã đăng ký dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí dự tuyển	Khoa, Phòng tiếp nhận	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh dự tuyển	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm kiểm tra sát hạch	Kiểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*10*	*12*	*13*	*16*	*17*	*18*	*20*
52	ĐD28	Ngô Thị Tường	20/4/1990	Nữ	Trung cấp	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Nội - Nhiễm	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		96		96	
53	ĐD17	Võ Quang Phúc	01/01/1994	Nam	Cử nhân	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 4 (Trình độ B2)	Điều dưỡng	Khoa Ngoại tổng hợp	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12		97.5		97.5	
54	ĐD37	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	25/6/1989	Nữ	Cử nhân	Điều dưỡng	Trình độ B	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Ngoại tổng hợp	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12		94.75		94.75	
55	ĐD39	Nguyễn Thị Thu Phương	01/3/1985	Nữ	Cử nhân	Điều dưỡng	Trình độ B	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Ngoại tổng hợp	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12		100		100	
56	ĐD44	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	35308	Nữ	Cử nhân	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Ngoại tổng hợp	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12		96		96	
57	ĐD18	Huỳnh Thanh Thảo	20/7/1990	Nữ	Cao đẳng	Điều dưỡng	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Ngoại tổng hợp	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		98		98	

STT	Mã đăng ký dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí dự tuyển	Khoa, Phòng tiếp nhận	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh dự tuyển	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm kiểm tra sát hạch	Kiểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*10*	*12*	*13*	*16*	*17*	*18*	*20*
58	ĐD43	Trần Xuân Bình	34082	Nam	Cao đẳng	Điều dưỡng	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Ngoại tổng hợp	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		87		87	
59	ĐD08	Đỗ Thị Ngọc Trâm	02/12/1988	Nữ	Trung cấp	Điều dưỡng	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ A	Điều dưỡng	Khoa Ngoại tổng hợp	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		97		97	
60	ĐD10	Mai Thị Hồng Loan	19/3/1991	Nữ	Trung cấp	Điều dưỡng đa khoa	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ A	Điều dưỡng	Khoa Ngoại tổng hợp	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		100		100	
61	ĐD41	Bùi Tấn Phát	19/7/1996	Nam	Trung cấp	Điều dưỡng	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ A	Điều dưỡng	Khoa Ngoại tổng hợp	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		86		86	
62	ĐD29	Trần Thị Hồng Nhung	27/4/1987	Nữ	Cử nhân	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Khám bệnh	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12		96		96	
63	ĐD38	Lưu Thị Thanh Bình	24/6/1991	Nữ	Trung cấp	Y sĩ đa kkhoa	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 3 (Trình độ B1)	Điều dưỡng	Khoa Khám bệnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		98.5		98.5	

STT	Mã đăng ký dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí dự tuyển	Khoa, Phòng tiếp nhận	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh dự tuyển	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm kiểm tra sát hạch	Kiểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*10*	*12*	*13*	*16*	*17*	*18*	*20*
65	ĐD35	Bùi Thị Bích	07/11/1984	Nữ	Cử nhân	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Mắt	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Dân tộc Mường	100	5	105	
64	ĐD33	Mai Thị Mai Ly	13/10/1990	Nữ	Trung cấp	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Mắt	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		100		100	
66	ĐD09	Nguyễn Lê Thủy Ngân	05/9/1992	Nữ	Cử nhân	Điều dưỡng	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ B	Điều dưỡng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12		95.75		95.75	
67	ĐD42	Võ Thị Bích Thuyền	10/02/1991	Nữ	Cao đẳng	Điều dưỡng	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ A	Điều dưỡng	Khoa Răng Hàm Mặt	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13		98.5		98.5	
Vị trí dự tuyển: Hộ sinh																	
68	NHS01	Phạm Thị Quý	10/5/1987	Nữ	Trung cấp	Hộ sinh	Trình độ B	Tiếng Anh - Bậc 3 (Trình độ B1)	Hộ sinh	Khoa Phụ sản	Hộ sinh hạng IV	V.08.04.10		88		88	
Vị trí dự tuyển: Kỹ thuật y																	
69	KTY03	Lương Thị Kiều Trang	10/10/1990	Nữ	Cử nhân	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 3 (Trình độ B1)	Kỹ thuật y	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18		79		79	

STT	Mã đăng ký dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí dự tuyển	Khoa, Phòng tiếp nhận	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh dự tuyển	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm kiểm tra sát hạch	Kiểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*10*	*12*	*13*	*16*	*17*	*18*	*20*
70	KTY06	Đinh Thị Kiếm	18/9/1989	Nữ	Cử nhân	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Trình độ B	Tiếng Anh - Trình độ B	Kỹ thuật y	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18		53		53	
71	KTY07	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/5/1995	Nữ	Cử nhân	Xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT-CB	TOEIC 465	Kỹ thuật y	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18		53		53	
72	KTY08	Nguyễn Thị Hồng Thu	03/7/1992	Nữ	Cử nhân	Xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 3 (Trình độ B1)	Kỹ thuật y	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18		62		62	
73	KTY11	Thạch Thị Linh Đa	16/3/1995	Nữ	Cử nhân	Xét nghiệm Y học	Trình độ B	Tiếng Anh - Trình độ B	Kỹ thuật y	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18		0		0	Không đến tham gia dự tuyển
74	KTY13	Lê Thành Trọng	24/8/1996	Nam	Cử nhân	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 2 (Trình độ A2)	Kỹ thuật y	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18		65.5		65.5	
75	KTY15	Trần Ánh Phước	27/12/1992	Nữ	Cử nhân	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Trình độ B	Tiếng Anh - Trình độ B	Kỹ thuật y	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18		34.5		34.5	Điểm kiểm tra sát hạch dưới 50 điểm

STT	Mã đăng ký dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí dự tuyển	Khoa, Phòng tiếp nhận	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh dự tuyển	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm kiểm tra sát hạch	Kiểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*10*	*12*	*13*	*16*	*17*	*18*	*20*
76	KTY16	Võ Ngọc Duy Phương	02/01/1994	Nữ	Cử nhân	Xét nghiệm Y học	Trình độ B	Tiếng Anh - Trình độ B	Kỹ thuật y	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18		60		60	
77	KTY21	Trịnh Thị Châu Trúc	17/01/1993	Nữ	Cử nhân	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Kỹ thuật y	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18		55		55	
78	KTY01	Hoàng Hải Nam	20/02/1992	Nam	Cao đẳng	Kỹ thuật Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Kỹ thuật y	Khoa Xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19		68		68	
79	KTY02	Trần Ngọc Cẩm	19/4/1995	Nam	Cử nhân	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Kỹ thuật y	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18		52		52	
80	KTY09	Khương Bá Tráng	20/10/1992	Nam	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Kỹ thuật y	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19		51.75		51.75	
81	KTY10	Đỗ Đức Anh	02/5/1997	Nam	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 3 (Trình độ B1)	Kỹ thuật y	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19		73		73	

STT	Mã đăng ký dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí dự tuyển	Khoa, Phòng tiếp nhận	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh dự tuyển	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm kiểm tra sát hạch	Kiểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*10*	*12*	*13*	*16*	*17*	*18*	*20*
82	KTY12	Nguyễn Văn Long	23/11/1992	Nam	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 3 (Trình độ B1)	Kỹ thuật y	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19		50.5		50.5	
83	KTY19	Nguyễn Quang Thạch	02/02/1994	Nam	Cao đẳng	Kỹ thuật y học	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 3 (Trình độ B1)	Kỹ thuật y	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19		64		64	
84	KTY18	Phạm Viết Hoàng Quỳnh	16/8/1996	Nam	Cử nhân	Phục hồi chức năng	Trình độ B	Tiếng Anh - Trình độ C	Kỹ thuật y	Khoa Y học cổ truyền-Vật lý trị liệu	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18		71.5		71.5	
85	KTY05	Bạch Đình Trung Kiên	30/10/1990	Nam	Cao đẳng	Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ A	Kỹ thuật y	Khoa Y học cổ truyền-Vật lý trị liệu	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19		76		76	
86	KTY04	Trịnh Văn Điệp	14/11/1989	Nam	Trung cấp	Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng	Trình độ B	Tiếng Anh - Trình độ B	Kỹ thuật y	Khoa Y học cổ truyền-Vật lý trị liệu	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19		50		50	
87	KTY17	Phạm Thế Hiện	06/12/1991	Nam	Trung cấp	Y sĩ đa khoa	Trình độ B	Tiếng Anh - Trình độ B	Kỹ thuật y	Khoa Giải phẫu bệnh (Phẫu thuật-Gây mê hồi sức)	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19		51.5		51.5	
Vị trí dự tuyển: Dược sĩ																	

STT	Mã đăng ký dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí dự tuyển	Khoa, Phòng tiếp nhận	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh dự tuyển	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm kiểm tra sát hạch	Kiểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*10*	*12*	*13*	*16*	*17*	*18*	*20*
88	DS01	Trần Đình Tuấn Dũng	05/9/1995	Nam	Dược sĩ		Ứng dụng CNTT-CB	TOEIC	Dược sĩ	Khoa Dược	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22		65		65	
89	DS02	Tô Kiều Thu Trang	21/9/1991	Nữ	Dược sĩ	Dược học	Trình độ B	Tiếng Anh - Bậc 3 (Trình độ B1)	Dược sĩ	Khoa Dược	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22		85.5		85.5	
Vị trí dự tuyển: Hành chính - Tổng hợp - Quản trị																	
90	HCTH QT02	Lê Thanh Long	1985	Nam	Cử nhân	Tin học		Tiếng Anh - Trình độ B	Hành chính - Tổng hợp - Quản trị	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị	Chuyên viên hạng III	01.003		98		98	
91	HCTH QT03	Nguyễn Ngọc Yến Vân	25/10/1983	Nữ	Cử nhân	Công nghệ thông tin		Tiếng Anh - Trình độ B	Hành chính - Tổng hợp - Quản trị	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị	Chuyên viên hạng III	01.003		97		97	
92	HCTH QT01	Đinh Thiên Hoàng	23/9/1990	Nam	Cử nhân	Công nghệ thông tin		Tiếng Anh - Trình độ B	Hành chính - Tổng hợp - Quản trị	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị	Chuyên viên hạng III	01.003		94.5		94.5	
Vị trí dự tuyển: Kế hoạch - Nghiệp vụ																	
93	KHNV 01	Hoàng Thị Thùy Hậu	26/3/1992	Nữ	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Trình độ B	Tiếng Anh - Trình độ B	Kế hoạch - Nghiệp vụ	Phòng Kế hoạch Tổng hợp và Điều dưỡng	Chuyên viên hạng III	01.003		61		61	

STT	Mã đăng ký dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí dự tuyển	Khoa, Phòng tiếp nhận	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh dự tuyển	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm kiểm tra sát hạch	Kiểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*10*	*12*	*13*	*16*	*17*	*18*	*20*
94	KHNV 02	Nguyễn Thị Hằng	02/02/1978	Nữ	Cử nhân	Quản lý kinh doanh	Trình độ B	Tiếng Anh - Trình độ B	Kế hoạch - Nghiệp vụ	Phòng Kế hoạch Tổng hợp và Điều dưỡng	Chuyên viên hạng III	01.003		59		59	
Vị trí dự tuyển: Công tác xã hội, tư vấn																	
95	CTXH, TV01	Dương Thị Tuyết Linh	20/10/1989	Nữ	Kỹ sư	Công nghệ thực phẩm	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Bậc 3 (Trình độ B1)	Công tác xã hội, tư vấn	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị	Chuyên viên hạng III	01.003		77		77	
96	CTXH, TV02	Nguyễn Phan Thanh Giang	04/7/1991	Nữ	Cử nhân	Giáo dục học tâm lý giáo dục	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ B	Công tác xã hội, tư vấn	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị	Chuyên viên hạng III	01.003		88		88	
97	CTXH, TV03	Lê Thị Xuân Đào	14/9/1994	Nữ	Cử nhân	Luật	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ B	Công tác xã hội, tư vấn	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị	Chuyên viên hạng III	01.003		58.5		58.5	Chỉ tiêu 2 (tham dự 3)
Vị trí dự tuyển: Tài chính kế toán																	
98	TCKT02	Lê Thị Thanh Phượng	06/3/1976	Nữ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Văn phòng	Tiếng Anh - Bậc 3 (Trình độ B1)	Tài chính kế toán	Phòng Tài chính Kế toán	Kế toán viên hạng III	06.031		98		98	
99	TCKT03	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	08/3/1991	Nữ	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Văn phòng	Tiếng Anh - Trình độ B	Tài chính kế toán	Phòng Tài chính Kế toán	Kế toán viên hạng III	06.031		94		94	

STT	Mã đăng ký dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí dự tuyển	Khoa, Phòng tiếp nhận	Chức danh nghề nghiệp dự tuyển	Mã số chức danh dự tuyển	Thuộc đối tượng ưu tiên	Kết quả điểm kiểm tra sát hạch	Kiểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*10*	*12*	*13*	*16*	*17*	*18*	*20*
100	TCKT05	Huỳnh Thị Kim Thảo	27/3/1989	Nữ	Cử nhân	Kế toán	Ứng dụng CNTT-CB	Tiếng Anh - Trình độ B	Tài chính kế toán	Phòng Tài chính Kế toán	Kế toán viên hạng III	06.031		88		88	
101	TCKT01	Ngô Thị Như Quỳnh	03/3/1991	Nữ	Cao đẳng	Kế toán	Trình độ A	Tiếng Anh - Trình độ B	Tài chính kế toán	Phòng Tài chính Kế toán	Kế toán viên hạng IV	06a.031		95.5		95.5	

TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
CHỦ TỊCH

BỆNH VIỆN QUẬN TÂN PHÚ

PHÓ GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
Lương Văn Sinh